

**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 249/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016

**THÔNG TƯ****Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;  
giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận  
hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu  
sản phẩm mật mã dân sự***Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;**Căn cứ Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự; lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

2. Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự, giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; Ban Cơ yếu Chính phủ và các tổ

chức, cá nhân liên quan đến cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự, giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

### **Điều 2. Người nộp phí, lệ phí**

Doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự, giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này. Phí, lệ phí nộp bằng tiền mặt trực tiếp cho tổ chức thu phí, lệ phí hoặc chuyển khoản vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại Kho bạc nhà nước.

### **Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí**

Ban Cơ yếu Chính phủ là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

### **Điều 4. Mức thu phí, lệ phí**

Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự được quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 5. kê khai, nộp phí, lệ phí**

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được theo tháng và quyết toán phí, lệ phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ. Tổ chức thu phí, lệ phí nộp 10% số tiền phí và 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

### **Điều 6. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí**

Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí. Số tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 88/2015/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC  
ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

Số TT	Nội dung phí, lệ phí	Mức thu
<b>I</b>	<b>Cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</b>	
1	Phí thẩm định cấp mới giấy phép	
	Một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ	8.000.000 đồng/lần thẩm định
	Thêm một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ	2.000.000 đồng/lần thẩm định
2	Phí thẩm định sửa đổi, bổ sung giấy phép do thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	
	Một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ	3.000.000 đồng/lần thẩm định
	Thêm một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ	1.000.000 đồng/lần thẩm định
3	Phí thẩm định sửa đổi, bổ sung giấy phép do thay đổi tên, thay đổi người đại diện theo pháp luật	1.000.000 đồng/lần thẩm định
4	Phí thẩm định cấp lại giấy phép do giấy phép bị mất hoặc hư hỏng	500.000 đồng/lần thẩm định
5	Phí thẩm định gia hạn giấy phép	500.000 đồng/lần thẩm định
<b>II</b>	<b>Cấp giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự</b>	
1	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự	3.000.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định
2	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự	3.000.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định
<b>III</b>	<b>Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</b>	
	Lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự	200.000 đồng/giấy phép

---

---

## VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng